TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/02/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hà.

2. Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thanh T, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chổ ở hiện nay: ấp số 1, xã C, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc Th, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/09/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh Th chung sống vào năm 2000, hôn nhân hình thành do quen biết nhau trước, có tổ chức đám cưới, được cha mẹ hai bên chấp nhận, có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2002. Chị và anh Th chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý

kiến, vợ chồng không tin tưởng nhau nên anh chị đã ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay. Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị T và anh Th có hai con chung tên Nguyễn Vũ B, sinh ngày 14/11/2002, đã trưởng thành và Nguyễn Phương A, sinh ngày 26/12/2007, đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi cháu A, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gởi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo quy định tại Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo chị T trình bày là do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng ý kiến, anh chị đã ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay. Anh Th không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T là đã từ bỏ quyền lợi của anh. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh Th đã ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải thiện được cuộc sống chung nên xử cho chị T được ly hôn với anh Th là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Th có hai con chung tên Nguyễn Vũ B, sinh ngày 14/11/2002 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 26/12/2007. Xét thấy cháu B đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu A đang sống chung với chị T cuộc sống của cháu tốt, sức khỏe bình thường, cháu A có ý kiến được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử thống

nhất giao cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thanh T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Dương Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Th.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 26/12/2007 cho chị Dương Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Quốc Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2. Về án phí: Chị Dương Thanh T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0009452 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, chị Dương Thanh T đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND huyện Vũng Liêm
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung